



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN –
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN –
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

MỤC LỤC

PHẦN A	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2017	7 – 9
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017	11 – 12
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2017	13 – 68

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2017 của Tổng Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên (sau đây viết tắt là "SATRA") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Mã số doanh nghiệp 0300100037, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2010 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 06 tháng 11 năm 2015.

Chủ sở hữu : Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ : 8.660.000.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm có :

* Trụ sở chính

- Địa chỉ : 275B Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận I, TP.HCM.
- Điện thoại : (84-028) 3837 5905
- Fax : (84-028) 3836 9327
- Mã số thuế : 0 3 0 0 1 0 0 0 3 7
- Email : satra@hcm.vnn.vn
- Website : www.satrahochiminhcity.gov.vn

- * *Hệ thống các Đơn vị, cơ sở kinh doanh phụ thuộc; Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết với Tổng Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính.*

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Thành viên, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Hội đồng Thành viên

- | | | | | |
|----|-----|-----------------|------------------------------|-------------------------------|
| 1. | Ông | Lâm Dũng Tiến | Chủ tịch Hội đồng thành viên | |
| 2. | Bà | Lê Minh Trang | Thành viên | |
| 3. | Ông | Trần Văn Bắc | Thành viên | Miễn nhiệm từ ngày 09/01/2018 |
| 4. | Ông | Nguyễn Anh Tùng | Thành viên | Miễn nhiệm từ ngày 09/01/2018 |
| 5. | Ông | Trương Văn Rón | Thành viên | |

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát được thành lập theo quyết định số 345/QĐ-UBND-TC ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ban Kiểm soát gồm có:

- | | | | |
|----|-----|----------------------|------------|
| 1. | Ông | Dương Hùng Sơn | Trưởng Ban |
| 2. | Bà | Hoàng Thị Kim Phượng | Thành viên |
| 3. | Ông | Phùng Thế Thành | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | | | |
|----|-----|------------------|--|
| 1. | Bà | Lê Minh Trang | Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty |
| 2. | Ông | Trần Văn Bắc | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. | Ông | Nguyễn Phúc Khoa | Phó Tổng Giám đốc |
| 5. | Ông | Đoàn Hoài Minh | Phó Tổng Giám đốc |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kế toán này, Công ty Nhân Tâm Việt bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm từ trang 07 đến trang 68.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 sẽ được phân phối theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho niên độ kế toán 2017 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty



Tổng Giám đốc – Lê Minh Trang

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2018

Số: 43/2018/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho niên độ kế toán 2017 kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên, được lập ngày 23 tháng 3 năm 2018, từ trang 07 đến trang 68, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt



Đại diện theo pháp luật của Công ty

Phó Tổng Giám đốc – Lê Hạ

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số : 0082-2018-124-1

Kiểm toán viên – Huỳnh Hữu Phước

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số : 1762-2018-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2018

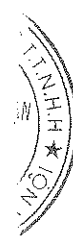
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.018.863.639.881	11.376.207.848.350
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	7.919.427.474.981	9.783.008.117.790
111	1. Tiền		156.402.161.324	215.345.390.622
112	2. Các khoản tương đương tiền		7.763.025.313.657	9.567.662.727.168
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		28.293.129.790	10.151.666.667
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	28.293.129.790	10.151.666.667
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.035.043.115.906	1.006.977.221.619
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	480.825.316.542	443.608.770.445
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	613.351.771.571	595.806.124.497
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	182.831.954.246	193.555.229.590
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(241.965.926.453)	(225.992.902.913)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	595.104.742.573	391.786.252.499
141	1. Hàng tồn kho		595.514.015.221	392.195.525.147
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(409.272.648)	(409.272.648)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		440.995.176.631	184.284.589.775
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8	16.133.141.151	8.955.284.426
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.9	232.124.598.095	170.556.953.888
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.10	192.737.437.385	4.772.351.461
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.891.272.978.920	3.779.114.576.628
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		12.192.534.192	12.630.254.482
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.11	-	4.036.269.862
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	1.657.620.290
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
216	5. Phải thu dài hạn khác	V.12	12.192.534.192	10.972.634.192
219	6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	(4.036.269.862)
220	II. Tài sản cố định		1.059.784.329.344	656.167.594.153
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.13	983.783.542.366	579.130.270.862
222	- Nguyên giá		1.433.661.666.313	974.240.526.577
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(449.878.123.947)	(395.110.255.715)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.14	76.000.786.978	77.037.323.291
228	- Nguyên giá		97.124.394.910	94.257.101.083
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(21.123.607.932)	(17.219.777.792)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.15	420.903.507.552	421.003.704.475
231	- Nguyên giá		589.050.109.543	579.153.235.702
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(168.146.601.991)	(158.149.531.227)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		413.779.008.568	603.082.136.067
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.16	413.779.008.568	603.082.136.067
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.17	1.884.112.238.863	2.021.974.063.250
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.17.1	773.697.135.079	683.697.135.079
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.17.2	807.654.684.150	949.622.469.234
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.17.3	597.560.849.307	642.796.369.307
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	V.17	(294.800.429.673)	(254.141.910.370)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		100.501.360.401	64.256.824.201
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.18	96.611.025.558	60.427.374.734
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.19	3.890.334.843	3.829.449.467
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		13.910.136.618.801	15.155.322.424.978



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.600.326.701.023	4.722.432.814.876
310	I. Nợ ngắn hạn		1.847.113.038.937	3.864.197.687.911
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.20	554.359.430.494	462.740.468.305
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.21	57.213.975.318	33.123.344.764
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.22	73.647.285.810	2.286.806.844.572
314	4. Phải trả người lao động	V.23	582.346.512.569	562.185.286.073
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.24	17.247.945.047	15.771.264.926
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.25	1.172.605.631	1.508.469.093
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.26	77.143.530.374	73.589.402.964
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.27	95.230.379.142	72.187.665.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.28	403.721.749.569	371.359.716.013
323	10. Quỹ bình ổn giá	V.29	(14.970.375.017)	(15.074.773.799)
330	II. Nợ dài hạn		753.213.662.086	858.235.126.965
331	1. Phải trả người bán dài hạn		3.000.000	3.000.000
333	2. Chi phí phải trả dài hạn	V.30	7.768.969.600	-
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.31	607.272.813.168	609.300.415.634
337	4. Phải trả dài hạn khác	V.32	42.439.870.750	59.269.945.195
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.33	85.000.000.000	168.180.763.079
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn	V.34	-	10.751.994.489
343	7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	V.35	10.729.008.568	10.729.008.568
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.309.809.917.778	10.432.889.610.102
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.36	11.309.809.917.778	10.432.889.610.102
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.36.1	8.660.000.000.000	7.403.161.073.989
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	V.36.2	390.298.846.991	388.735.945.094
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	V.36.3	2.252.149.862.406	2.637.185.961.752
419	4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	V.36.4	2.748.657.381	2.741.507.672
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.36.5	-	(3.642.829.405)
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	(3.642.829.405)
422	6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	V.36.6	4.612.551.000	4.707.951.000
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		13.910.136.618.801	15.155.322.424.978

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đông Thị Tuyết

Nguyễn Anh Tùng

Lê Minh Trang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.38	7.169.678.787.279	6.374.218.849.301
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.39	6.194.646.122	17.725.209.777
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.163.484.141.157	6.356.493.639.524
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.40	6.728.601.143.360	5.910.115.891.706
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		434.882.997.797	446.377.747.818
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.41	3.613.955.401.110	5.473.829.112.858
22	7. Chi phí tài chính	VI.42	53.592.067.434	33.157.820.140
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.012.060.204	9.236.759.466
25	8. Chi phí bán hàng	VI.43	430.583.394.524	317.829.879.524
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.44	522.114.554.719	789.037.433.870
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.042.548.382.230	4.780.181.727.142
31	11. Thu nhập khác	VI.45	82.510.103.765	62.688.641.590
32	12. Chi phí khác	VI.46	52.640.561.298	10.368.729.242
40	13. Lợi nhuận khác		29.869.542.467	52.319.912.348
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.072.417.924.697	4.832.501.639.490
51	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.47	135.624.410.339	505.052.483.189
52	16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(60.885.376)	(1.202.110.264)
60	17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		2.936.854.399.734	4.328.651.266.565

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đông Thị Tuyết

Nguyễn Anh Tùng

Lê Minh Trang



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		8.754.676.201.675	8.366.749.646.244
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(9.699.074.825.534)	(7.574.791.579.344)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(503.335.227.509)	(393.272.735.890)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	VI.42	(5.012.060.204)	(10.383.380.786)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.22	(545.012.942.054)	(71.751.702.011)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.172.586.104.204	1.972.420.019.557
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(694.467.664.407)	(3.467.912.426.615)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.519.640.413.829)	(1.178.942.158.845)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(63.452.365.556)	(16.007.654.027)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		750.000.000	298.945.455
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(914.300.000.000)	(917.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		896.500.000.000	915.776.008.483
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(52.691.310.000)	(75.700.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		403.058.054.303	63.975.123.507
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.377.613.932.841	3.200.149.169.803
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.647.478.311.588	3.171.491.593.221
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.27;33	924.289.725.572	1.808.327.683.710
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.27;33	(984.427.774.509)	(1.848.874.106.419)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.22	(3.931.519.963.135)	-

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.991.658.012.072)	(40.546.422.709)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.863.820.114.313)	1.952.003.011.667
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	9.783.008.117.790	7.830.674.094.872
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		239.471.504	331.011.251
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	7.919.427.474.981	9.783.008.117.790

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đồng Thị Tuyết

Nguyễn Anh Tùng

Lê Minh Trang



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

NĂM 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính niên độ kế toán 2017 của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH Một thành viên (sau đây viết tắt là SATRA).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty TNHH Một Thành viên thuộc sở hữu Nhà nước

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

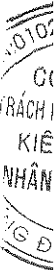
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. (Thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và quyết định 79/2009/QĐ-UBND của UBND Thành phố về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn rượu, bia;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Bán buôn vàng, bạc, đá quý;
- Sản xuất, chế biến nông – lâm – thủy – hải sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ gas);

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, kho bãi, cầu cảng, khu công nghiệp. Cho thuê văn phòng, mặt bằng, quầy cảng, dịch vụ kho vận;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kho bãi, cầu cảng, khu công nghiệp;
- Quảng cáo;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thẻ cào điện thoại, máy móc, thiết bị bưu chính, viễn thông;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bưu chính;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán buôn lương thực, thực phẩm, thực phẩm công nghệ, thực phẩm chế biến, thủy sản (không hoạt động tại trụ sở); Nhập khẩu trực tiếp thiết bị, vật tư, nguyên nhiên liệu, hàng hóa khác phục vụ sản xuất và kinh doanh của đơn vị; Xuất khẩu trực tiếp các mặt hàng nông lâm thủy hải sản, súc sản, hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm (thực hiện quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND Thành phố về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh);
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn hàng kim khí điện máy; máy phát điện, máy bơm nước, bình ắc quy, máy công cụ các loại;
- Bán lẻ hàng kim khí điện máy; máy phát điện, máy bơm nước, bình ắc quy, máy công cụ các loại, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng trang trí nội thất; văn phòng phẩm; mỹ phẩm, nước hoa; đồ dùng cá nhân và gia đình; đồ chơi trẻ em; dụng cụ thể dục thể thao; sản phẩm đồ gỗ; nước sinh hoạt;
- Bán lẻ bia, rượu;
- Bán buôn nguyên vật liệu tư nông – dược phẩm; phân bón, lông vũ; hóa chất; thức ăn gia súc;
- Bán buôn thẻ cào điện thoại; máy móc, thiết bị bưu chính, viễn thông;
- Bán lẻ thuốc lá nội (thực hiện đúng theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh);

- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Sản xuất đá, nước sinh hoạt, ép củi trấu;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. (Không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Nuôi trồng, đánh bắt, khai thác, chế biến nông lâm hải sản, súc sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu; Dịch vụ phục vụ thủy thủ và thu mua thủy sản;
- Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện);
- Chế biến, bảo quản thịt gia cầm và các sản phẩm từ thịt khác (không chế biến tại trụ sở);
- Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt gia cầm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 01/07/2009 và quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của UBND Thành phố về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh);
- Mua bán xe gắn máy và phụ tùng các loại;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, đóng hộp, giết mổ, đóng gói, bảo quản thịt; sản xuất thịt ướp lạnh hoặc đông lạnh; sản xuất các sản phẩm thịt (không hoạt động tại trụ sở);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, đóng hộp, chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh, thủy sản khô (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ Đại lý bán vé tàu, máy bay; Dịch vụ trông giữ xe ô tô, xe 2 bánh (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển);

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

- Xây xát và sản xuất bột thô (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất các loại bánh từ bột (không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ Đại lý đổi ngoại tệ cho tổ chức tín dụng;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Quản lý vận hành nhà chung cư; Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Vệ sinh chung nhà cửa (trừ xông hơi khử trùng);
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác (trừ xông hơi khử trùng);
- Dịch vụ chăm sóc và suy trì cảnh quan;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp.

Tổ chức hệ thống hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm Trụ sở chính; Các đơn vị, cơ sở kinh doanh phụ thuộc; Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết sau đây:

- ❖ **Các đơn vị, cơ sở kinh doanh phụ thuộc được hợp cộng vào Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty SATRA bao gồm:**

Tên đơn vị, cơ sở kinh doanh phụ thuộc	Địa chỉ
1. Văn phòng Tổng Công ty	275B Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận I, TP.HCM
2. Ban chỉ đạo Dự án Bình Điền Điền (Phòng Dự án Tổng Công ty)	275B Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận I, TP.HCM
3. Ban Đầu tư Hệ thống bán lẻ (SATRAMART)	275B Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận I, TP.HCM
4. Ban Quản lý Dự án COFIDEC	275B Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận I, TP.HCM



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

Tên đơn vị, cơ sở kinh doanh phụ thuộc	Địa chỉ
5. Chi nhánh SATRA - Trung tâm phát triển Địa ốc SATRA (SATRA REAL)	275B Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM
6. Chi nhánh SATRA - Siêu thị Sài Gòn	460 Đường 3 tháng 2, Phường 12, Quận 10, TP.HCM
7. Chi nhánh SATRA - Thương xá Tax	38 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
8. Chi nhánh SATRA – Trung tâm Điều hành bán lẻ SATRA Cần Thơ	90B/3 Đường 3/2, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
9. Chi nhánh SATRA - Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	Đại lộ Nguyễn Văn Linh, Khu phố 6, Phường 7, Quận 8, TP.HCM
10. Chi nhánh SATRA - Trung tâm Dịch vụ SATRA	275B Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM
11. Chi nhánh SATRA – SATRA Đồng Tháp	Ấp An Thạnh, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp
12. Chi nhánh SATRA - Trung tâm Thương mại SATRA đường Phạm Hùng (Centre Mall)	C6/27 Phạm Hùng, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP.HCM
13. Chi nhánh SATRA - Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải (Cofidex)	Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP.HCM
14. Chi nhánh SATRA – Trung tâm Phân phối SATRA	204 – 206 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM
15. Chi nhánh SATRA – Trung tâm Điều hành Cửa hàng tiện lợi Satra (SATRAFOODS)	455 Võ Văn Tần, Phường 5, Quận 3, TP.HCM
16. Chi nhánh SATRA – Kho lạnh SATRA	Lô 3, Khu Thương mại Bình Điền, Khu phố 6, Đường Nguyễn Văn Linh, P.7, Q.8, TP.HCM
17. Chi nhánh SATRA – Trung tâm dịch vụ Ẩn uống Satra (Satra F&B)	275B Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM
❖ Văn phòng đại diện tại Nhật Bản - Tổng Công ty TM Sài Gòn – TNHH Một thành viên.	
❖ Văn phòng đại diện tại Myanmar - Tổng Công ty TM Sài Gòn – TNHH Một thành viên.	

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

- ❖ **Hệ thống các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết tại ngày 31/12/2017** (được trình bày theo giá gốc ở chỉ tiêu Đầu tư tài chính trên Báo cáo tài chính của Tổng Công ty) bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty
Công ty con		
1. Công ty TNHH May XK Tân Châu	65/5 Quốc lộ 1A, Q12, TP. HCM	55,00%
2. Công ty CP Vật tư Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh (GEMEXIM JSC)	117 Cống Quỳnh, Q1, TP. HCM	55,68%
3. Công ty CP Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (VISSAN)	420 Nơ Trang Long, Q Bình Thạnh, TP. HCM	67,76%
4. Công ty CP Thương mại Dịch vụ Quận 3	214B Lý Chính Thắng, P9, Q3, TP. HCM	51,00%
5. Công ty CP Thương mại Sài Gòn Tây Nam	Chợ Đường Biên, huyện Bến Cầu, Tỉnh Tây Ninh.	99,71%
6. Công ty TNHH Lương thực Ngọc Đồng	Ấp An Hòa, huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp	90,00%
Công ty liên doanh, liên kết		
1. Công ty CP TM DV Sài Gòn	36 Lưu Văn Lang, Quận 1, TP. HCM	43,35%
2. Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn	16 Phùng Khắc Khoan, Q1, TP. HCM	26,43%
3. Công ty CP DV SX XNK Bình Tây	222 Hậu Giang, Q6, TP. HCM	40,00%
4. Công ty CP KD Thủy hải Sản	4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, TP. HCM	30,00%
5. Công ty CP Thực phẩm CJ Cầu Tre	125/208 Lương Thế Vinh, Tân Phú, TP. HCM	25,00%
6. Công ty CP TM DV Cần Giờ	383-385 Nguyễn Công Trứ, Q 1, TP. HCM	40,00%
7. Công ty TNHH TM SG An Giang	12 Nguyễn Huệ, An Giang	25,00%
8. Công ty TNHH Nhà máy Bia VN	02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM	40,00%
9. Công ty TNHH TM SG Song Kim	104A Hoàng Hoa Thám, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	28,48%
10. Công ty CP XNK Tổng hợp Đầu tư	111 Trần Quốc Toản, Quận 3, TP. HCM	20,00%
11. Công ty CP TM Tổng hợp	40-42 Phan Bội Châu. Quận 1, TP.	40,00%

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty
	HCM	
12. Công ty CP DV TM Thành phố	114A Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM	45,00%
13. Công ty CP BH Điện Máy SG	870-872 Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP. HCM	33,83%
14. Công ty CP XNK Nhà Bè	476 Huỳnh Tấn Phát, Quận 7, TP. HCM	30,00%
15. Công ty CP Bình Điền	275B, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. HCM	29,00%
16. Công ty CP ĐT PT HT PP VN	38-40 Lê Thái Tổ, Hàng Trống, HN	25,00%
17. Công ty TNHH Bia và nước giải khát VN	02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM	40,00%
18. Công ty CP KD NS Kiên Giang	Số 12, Lý Tự Trọng, Tỉnh Kiên Giang	30,55%
19. Công ty CP SATRA Thái Sơn	Số 3, đường 3/2, Quận 10, TP. HCM	19,65%
20. Công ty CP TM DV VDA Hậu Giang	Cụm công nghiệp Châu Thành A, Tỉnh Tiền Giang	25,41%
21. Công ty CP TM Sài Gòn Phương Trang	Ấp Hòa Phúc, Xã Hòa Khánh, Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang	25,00%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

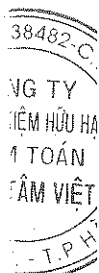
Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

SATRA áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán : Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có gốc ngoại tệ vào Báo cáo tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng Cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Bảng Cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quý, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá gốc hàng tồn kho của công gồm có:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp: Bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp: Kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong niên độ kế toán.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

6. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
- Máy móc và thiết bị	7 – 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10
- Tài sản cố định khác	3 – 20

02038
CÔNG
OH NHIỆ
KIỂM
ÂN TÂN
ĐA

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng. Thời gian tính khấu hao của Tài sản cố định vô hình tối đa là 20 năm, trường hợp vượt 20 năm thì phải có bằng chứng tin cậy và xác định được.

TSCĐ vô hình của Công ty được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế và bao gồm :

Quyền sử dụng đất

Nguyên giá TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất (QSDĐ) được xác định bao gồm: tiền chi ra để có QSDĐ hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất).

Chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ không xác định được thời gian sử dụng thì không trích khấu hao.

QSDĐ là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất.

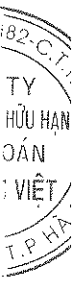
Phần mềm máy vi tính

Nguyên giá phần mềm máy vi tính được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích từ 03 năm đến 08 năm.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư (BĐSDT) là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán. BĐSĐT được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi BĐSĐT được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

BĐSDT được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của BĐSĐT trong khung từ 5 năm đến 50 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế phát sinh sau ngày đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá gốc cao hơn giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh này.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào ngày kết thúc niên độ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

10. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận trong Bảng cân đối kế toán khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại mà Công ty phải thanh toán, và khoản nợ phải trả đó phải xác định được một cách đáng tin cậy. Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

13. Chi phí phải trả

Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả; tiền lương nghỉ phép của người lao động; chi phí lãi tiền vay trả sau...)

Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được chắc chắn thời gian phải thanh toán, số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được hạch toán theo số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều niên độ kế toán về cho thuê tài sản (gọi là doanh thu nhận trước); các khoản doanh thu, thu nhập chưa thực hiện khác.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Là vốn thuộc quyền sở hữu của Nhà nước bao gồm Vốn thực góp và Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 được phân phối theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- d. Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi nhận giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau) trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

21. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên Tthu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại trong tương lai phát sinh từ việc: Ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại hay thuế TNDN hoãn lại phải trả trong năm; Hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại hay thuế TNDN hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

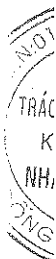
Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế TNDN hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế TNDN sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	14.000.865.238	7.897.125.597
- Tiền gửi ngân hàng	138.427.102.357	205.214.488.645
- Tiền đang chuyển	3.974.193.729	2.233.776.380
- Các khoản tương đương tiền (*)	7.763.025.313.657	9.567.662.727.168
Cộng	7.919.427.474.981	9.783.008.117.790

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

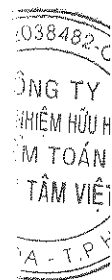
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	28.293.129.790	10.151.666.667
---	-----------------------	-----------------------

Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Các khoản phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ theo dõi tại các Đơn vị của SATRA:

- Văn phòng Tổng Công ty	338.767.140.764	320.503.516.916
- Trung tâm phát triển Địa ốc (SATRA REAL)	10.063.286.945	12.877.180.426
- Siêu thị Sài Gòn	1.336.567.454	317.804.831
- Thương xá Tax	216.694.373	174.622.400
- Trung tâm Điều hành bán lẻ SATRA Cần Thơ	51.343.642	-
- Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	22.469.009.116	16.784.943.765
- Trung tâm Dịch vụ SATRA	4.666.422.721	6.979.050.283
- SATRA Đồng Tháp	43.769.415.508	35.173.938.680
- Trung tâm TM SATRA đường Phạm Hùng	1.903.601.413	730.806.700
- Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải (Cofidec)	43.640.886.655	29.556.775.559



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

- Trung tâm Phân phối SATRA	455.975.108	4.852.473.722
- Trung tâm Điều hành Cửa hàng SATRAFOODS	1.834.731.449	2.411.793.438
- Kho lạnh SATRA	11.589.767.394	13.244.281.925
- Trung tâm dịch vụ Ăn uống Satra (Satra F&B)	60.474.000	1.581.800
Cộng	480.825.316.542	443.608.770.445

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Các khoản tiền ứng trước cho các nhà cung cấp và nhà thầu... theo dõi tại các Đơn vị:

- Văn phòng Tổng Công ty	207.277.926.199	159.942.699.940
- Ban chỉ đạo Dự án Bình Điền	383.251.861.923	423.712.275.498
- Ban Đầu tư Hệ thống bán lẻ (SATRAMART)	1.344.200.000	238.400.000
- Ban Quản lý Dự án COFIDEC	1.559.300.000	1.559.300.000
- Trung tâm phát triển Địa ốc (SATRA REAL)	180.100.000	215.015.000
- Siêu thị Sài Gòn	184.787.905	155.095.510
- Thương xá Tax	1.441.911	23.076.900
- Trung tâm Điều hành bán lẻ SATRA Cần Thơ	5.736.241	-
- Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	4.941.056.263	1.976.100.465
- Trung tâm Dịch vụ SATRA	28.128.890	1.289.446.359
- SATRA Đồng Tháp	9.697.051.500	816.350.000
- Trung tâm TM SATRA đường Phạm Hùng	184.242.736	158.395.670
- Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải (Cofidec)	745.941.851	1.572.983.154
- Trung tâm Phân phối SATRA	101.581.205	3.487.050.940
- Trung tâm Điều hành Cửa hàng SATRAFOODS	1.483.167.783	483.123.801
- Kho lạnh SATRA	430.100.000	-
- Trung tâm dịch vụ Ăn uống Satra (Satra F&B)	1.935.147.164	176.811.260
Cộng	613.351.771.571	595.806.124.497

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

5. Phải thu ngắn hạn khác

Các khoản phải thu ngắn hạn khác theo dõi tại các Đơn vị:

- Văn phòng Tổng Công ty	101.137.174.165	141.929.793.844
- Ban chỉ đạo Dự án Bình Điền	16.889.293.138	2.730.608.096
- Ban Đầu tư Hệ thống bán lẻ (SATRAMART)	14.256.581.204	-
- Ban Quản lý Dự án COFIDEC	1.127.272	-
- Trung tâm phát triển Địa ốc (SATRA REAL)	1.489.721.619	236.275.539
- Siêu thị Sài Gòn	249.164.929	201.119.978
- Thương xá Tax	307.588.437	138.801.059
- Trung tâm Điều hành bán lẻ SATRA Cần Thơ	126.145.871	-
- Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	522.742.190	586.990.825
- Trung tâm Dịch vụ SATRA	509.522.459	1.164.508.349
- SATRA Đồng Tháp	3.000.000	3.000.000
- Trung tâm TM SATRA đường Phạm Hùng	35.931.182	215.122.765
- Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải (Cofidec)	39.166.802.062	38.822.481.893
- Trung tâm Phân phối SATRA	3.755.332.450	4.909.124.873
- Trung tâm Điều hành Cửa hàng SATRAFOODS	3.842.703.438	1.919.492.478
- Kho lạnh SATRA	147.542.000	256.700.000
- Trung tâm dịch vụ Ăn uống Satra (Satra F&B)	391.581.830	441.209.891
Cộng (*)	182.831.954.246	193.555.229.590

(*) Trong đó:

- Phải thu về cổ phần hóa	581.818.182	581.818.182
- Tạm ứng	4.686.401.779	4.887.382.379
- Ký cược, ký quỹ	14.585.182.719	1.776.235.200
- Phải thu cổ tức, tiền lãi và các khoản khác	162.978.551.566	186.309.793.829
Cộng	182.831.954.246	193.555.229.590



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Các khoản phải thu khó đòi đã được trích lập dự phòng tại các Đơn vị của SATRA như sau:

6.1	Văn phòng Tổng Công ty	(188.839.064.268)	(176.860.856.897)
6.2	Trung tâm Dịch vụ SATRA	(4.438.461.139)	(443.644.970)
6.3	Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải (Cofidex)	(48.688.401.046)	(48.688.401.046)
	Cộng	(241.965.926.453)	(225.992.902.913)

*Chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi theo dõi tại các Đơn vị:***6.1 Văn phòng Tổng Công ty**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nợ phải thu	Dự phòng	Nợ phải thu	Dự phòng
- Công ty CP Kinh doanh THS Sài Gòn	26.765.067.131	(26.765.067.131)	26.765.067.131	(26.765.067.131)
- Công ty CP Quốc Tế C&T	19.638.927.429	(19.638.927.429)	18.331.508.680	(17.675.731.133)
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Đồng Tâm (Công ty CP Satra Tiền Giang)	3.401.858.300	(3.401.858.300)	3.401.858.300	(3.401.858.300)
- Công ty CP Imexco	2.472.000.000	(2.472.000.000)	2.472.000.000	(2.472.000.000)
- Công ty CP Satra Tây Nam	3.000.000.000	(3.000.000.000)	3.400.000.000	(1.550.000.000)
- Công ty CP Bất động sản Exim	1.500.000.000	(1.500.000.000)	1.500.000.000	(1.275.000.000)
- Công ty CP TM XNK Hà Tiên	1.657.620.290	(1.657.620.290)	1.657.620.290	(1.657.620.290)
- Công ty TNHH Thái Nguyên 1	82.877.702.821	(82.877.702.821)	82.877.702.821	(82.877.702.821)
- Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Thành Việt	32.766.958.765	(32.766.958.765)	32.766.958.765	(32.766.958.765)
- Công ty TNHH SXTM Vạn Xuân	219.565.420	(219.565.420)	219.565.420	(219.565.420)
- Công ty TNHH MTV Ngọc Đông III	4.565.401.139	(3.195.780.797)	4.565.401.139	(2.282.700.570)
- Công ty CP Hợp tác KT & XNK Savimex	7.833.304.933	(5.483.313.453)	7.833.304.933	(3.916.652.467)
- Công ty TNHH Song Thuận	6.080.000.000	(1.824.000.000)	6.080.000.000	-
- Công ty CP Hương Vị Việt	4.036.269.862	(4.036.269.862)	-	-
Cộng	196.814.676.090	(188.839.064.268)	191.870.987.479	(176.860.856.897)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

6.2 Trung tâm dịch vụ Satra

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nợ phải thu	Dự phòng	Nợ phải thu	Dự phòng
Công ty TNHH Việt Thăng Jean	3.566.171.200	(3.566.171.200)	3.626.171.200	-
Công ty TNHH Thiết bị Sinh Lộc	463.007.034	(463.007.034)	463.007.034	(231.503.517)
Công ty TNHH Thiết bị Sáng Việt	409.282.905	(409.282.905)	409.282.905	(212.141.453)
Cộng	4.438.461.139	(4.438.461.139)	4.498.461.139	(443.644.970)

6.3 Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nợ phải thu	Dự phòng	Nợ phải thu	Dự phòng
- Pacific Coral, King	18.540.044.713	(18.540.044.713)	18.540.044.713	(18.540.044.713)
- KTT Enterprise	16.399.500.215	(16.399.500.215)	16.399.500.215	(16.399.500.215)
- Oceans Reserve	11.451.166.688	(11.451.166.688)	11.451.166.688	(11.451.166.688)
- H&T Seafood	800.575.821	(800.575.821)	800.575.821	(800.575.821)
- Lion King Foods	636.312.950	(636.312.950)	636.312.950	(636.312.950)
- Công ty CP Thủy sản Bạc Liêu	220.207.499	(220.207.499)	220.207.499	(220.207.499)
- Công ty HT Liên doanh Colig-USD	153.669.719	(153.669.719)	153.669.719	(153.669.719)
- Tokyo Y2K Inport-Export	138.476.650	(138.476.650)	138.476.650	(138.476.650)
- Công ty Đ.Tư T.Học & Tư vấn XD Phương Nam	69.264.000	(69.264.000)	69.264.000	(69.264.000)
- Lê Văn Trung - Bình Minh	53.592.271	(53.592.271)	53.592.271	(53.592.271)
- Intercont	38.688.507	(38.688.507)	38.688.507	(38.688.507)
- Phạm Văn Nhung – Đắk Nông	31.301.000	(31.301.000)	31.301.000	(31.301.000)
- Bùi Văn Lâm – Đắk Nông	30.819.400	(30.819.400)	30.819.400	(30.819.400)
- Lý Chấn Thành -Vĩnh Châu	20.336.420	(20.336.420)	20.336.420	(20.336.420)
- Niche Trading Co.,Ltd	17.659.596	(17.659.596)	17.659.596	(17.659.596)
- Trầm Lành Sử - Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	16.601.220	(16.601.220)	16.601.220	(16.601.220)
- Nguyễn An Khương	16.155.000	(16.155.000)	16.155.000	(16.155.000)
- DNTN Mỹ Linh- Thị xã Trà Vinh	12.503.093	(12.503.093)	12.503.093	(12.503.093)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nợ phải thu	Dự phòng	Nợ phải thu	Dự phòng
- Công ty CP Tư vấn & Dịch vụ Phát triển nghề Cá	10.000.000	(10.000.000)	10.000.000	(10.000.000)
- Trần Quốc Cường -Long An	8.366.265	(8.366.265)	8.366.265	(8.366.265)
- Nguyễn Văn Đo - Lộc Ninh	6.646.000	(6.646.000)	6.646.000	(6.646.000)
- Phạm Tấn Thuyền -Vĩnh Hưng	4.972.140	(4.972.140)	4.972.140	(4.972.140)
- Trần Đình Hạnh - Cát Tiên	3.049.390	(3.049.390)	3.049.390	(3.049.390)
- Nguyễn Ngọc Hà - Di Linh, Lâm Đồng	2.202.200	(2.202.200)	2.202.200	(2.202.200)
- Gara Tám Triệu	1.785.000	(1.785.000)	1.785.000	(1.785.000)
- Phạm Hồng Phong -Long An	1.698.564	(1.698.564)	1.698.564	(1.698.564)
- Asuzac Foods-Vnd	1.195.080	(1.195.080)	1.195.080	(1.195.080)
- Cửa hàng TM Thực phẩm Rau quả An toàn	855.005	(855.005)	855.005	(855.005)
- Nguyễn Hữu Kiểm - Cát Tiên	599.340	(599.340)	599.340	(599.340)
- Nguyễn Thị Phượng - Tam Bình	157.300	(157.300)	157.300	(157.300)
Cộng	48.688.401.046	(48.688.401.046)	48.688.401.046	(48.688.401.046)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	6.145.911.112	-	4.326.768.048	-
- Công cụ, dụng cụ	3.241.859.081	-	1.461.894.095	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	114.388.515.362	-	114.556.889.545	-
- Thành phẩm	93.692.874.618	(409.272.648)	34.792.629.761	(409.272.648)
- Hàng hoá	377.804.855.048	-	227.890.359.328	-
- Hàng hóa bất động sản	240.000.000	-	9.166.984.370	-
Cộng	595.514.015.221	(409.272.648)	392.195.525.147	(409.272.648)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

- Số đầu năm	8.955.284.426
- Mua trong năm	58.286.442.137
- Tăng khác do điều chuyển, phân loại lại	9.234.097.832
- Phân bổ vào chi phí kinh doanh trong năm	(51.230.768.666)
- Giảm khác do điều chuyển, phân loại lại	(9.111.914.578)
Số cuối năm	16.133.141.151

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm: chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, chi phí bảo hiểm và các chi phí khác có thời gian phân bổ trong 12 tháng. Chi tiết chi phí trả trước ngắn hạn theo dõi tại các Đơn vị của SATRA như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Văn phòng Tổng Công ty	1.126.682.619	1.340.607.660
- Trung tâm phát triển Địa ốc (SATRA REAL)	90.191.667	206.218.759
- Siêu thị Sài Gòn	501.712.998	642.394.819
- Trung tâm Điều hành bán lẻ SATRA Cần Thơ	2.354.676.827	-
- Trung tâm Dịch vụ SATRA	71.624.460	196.450.086
- SATRA Đồng Tháp	196.061.222	238.798.334
- Trung tâm TM SATRA đường Phạm Hùng	180.771.609	225.225.014
- Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải (Cofidec)	1.568.839.458	1.305.225.228
- Trung tâm Điều hành Cửa hàng SATRAFOODS	9.893.550.010	4.278.098.038
- Trung tâm dịch vụ Ăn uống Satra (Satra F&B)	149.030.281	522.266.488
Cộng	16.133.141.151	8.955.284.426

9. Thuế GTGT được khấu trừ

Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ còn được khấu trừ tại các Đơn vị của SATRA:

- Văn phòng Tổng Công ty	210.604.557.097	146.084.768.124
- Siêu thị Sài Gòn	1.420.523.442	158.871.850
- Thương xá Tax	404.058.904	57.369.689
- Trung tâm Điều hành bán lẻ SATRA Cần Thơ	174.627.654	-
- Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	-	14.299.880

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

-	SATRA Đồng Tháp	1.091.361.524	932.225.564
-	Trung tâm TM SATRA đường Phạm Hùng	1.009.040.429	-
-	Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải (Cofidec)	12.754.928.197	22.850.130.007
-	Trung tâm Phân phối SATRA	4.665.500.848	459.288.774
	Cộng	232.124.598.095	170.556.953.888

10. Thuế và các khoản phải thu của nhà nước

Là số thuế và các khoản khác đã nộp vào Ngân sách lớn hơn số thuế phải nộp cho Nhà nước:

-	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	12.876.881	1.622.729.116
-	Thuế Xuất, Nhập khẩu	136.940.619	2.751.322.001
-	Thuế Thu nhập cá nhân	376.539.086	330.605.574
-	Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	67.694.770
-	Lợi nhuận còn lại nộp thừa vào Ngân sách, khoản truy thu, chậm nộp	192.211.080.799	-
	Cộng	192.737.437.385	4.772.351.461

11. Phải thu dài hạn của khách hàng- **4.036.269.862**

Khoản phải thu tiền bán hàng cho Công ty CP Hương Vị Việt theo dõi tại Văn phòng Tổng Công ty (đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi). Tổng Công ty đã phân loại lại sang nợ phải thu ngắn hạn.

12. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn cho các nhà cung cấp theo dõi tại các Đơn vị:

-	Ban Đầu tư Hệ thống bán lẻ (SATRAMART)	-	140.000.000
-	Thương xá Tax	5.000.000	5.000.000
-	Trung tâm Điều hành bán lẻ SATRA Cần Thơ	759.000.000	-
-	Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	72.000.000	-
-	Trung tâm TM SATRA đường Phạm Hùng	60.000.000	60.000.000
-	Trung tâm Điều hành Cửa hàng SATRAFOODS	10.550.626.592	10.026.726.592
-	Trung tâm dịch vụ Ăn uống Satra (Satra F&B)	745.907.600	740.907.600
	Cộng	12.192.534.192	10.972.634.192

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

13. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhóm TS	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm		580.652.619.385	264.706.191.490	46.118.711.798	53.868.492.469	28.894.511.435	974.240.526.577
Mua trong năm		1.318.278.689	31.451.484.021	3.199.276.364	4.334.198.636	394.795.499	40.698.033.209
Đầu tư XDCB hoàn thành		183.628.943.277	218.170.360.980	-	31.947.901.091	279.386.177	434.026.591.525
Phân loại lại từ CP trả trước		10.178.396.041	14.381.754.284	451.155.065	4.538.390.000	3.930.154.047	33.479.849.437
Tặng khác		8.235.720.492	(417.723.155)	(195.869.970)	-	-	7.622.127.367
Thanh lý, nhượng bán		(26.036.410.378)	(3.083.632.615)	(189.839.268)	(18.306.272.180)	-	(47.616.154.441)
Giảm khác (tháo dỡ)		(8.595.810.731)	(77.457.172)	-	(116.039.458)	-	(8.789.307.361)
Số cuối năm		749.381.736.775	525.130.977.833	49.383.433.989	76.266.670.558	33.498.847.158	1.433.661.666.313
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm		213.200.272.964	109.728.054.329	20.799.290.244	41.395.747.066	9.986.891.112	395.110.255.715
Khấu hao trong năm		43.583.510.923	40.423.428.871	4.820.492.764	10.229.726.205	3.360.330.977	102.417.489.740
Phân loại lại		(451.155.065)	-	451.155.065	-	-	-
Tặng khác		8.732.730.793	(663.075.664)	(195.869.970)	-	-	7.873.785.159
Thanh lý, nhượng bán		(25.854.820.515)	(2.426.278.842)	(189.839.268)	(18.306.272.180)	-	(46.777.210.805)
Giảm khác (tháo dỡ)		(8.573.588.126)	(56.568.278)	-	(116.039.458)	-	(8.746.195.862)
Số cuối năm		230.636.950.974	147.005.560.416	25.685.228.835	33.203.161.633	13.347.222.089	449.878.123.947
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm		367.452.346.421	154.978.137.161	25.319.421.554	12.472.745.403	18.907.620.323	579.130.270.862
Tại ngày cuối năm		518.744.785.801	378.125.417.417	23.698.205.154	43.063.508.925	20.151.625.069	983.783.542.366
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng							
Tại ngày đầu năm		42.335.700.181	17.402.580.509	6.819.798.573	30.647.362.532	1.195.934.655	98.401.376.450
Tại ngày cuối năm		21.316.123.227	20.678.956.192	7.434.258.308	17.112.439.044	1.243.288.555	67.785.065.326

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

14. Tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Chi tiêu			
Nguyên giá			
Số đầu năm	81.302.771.221	12.954.329.862	94.257.101.083
Đầu tư, mua sắm trong năm	-	4.180.818.161	4.180.818.161
Thanh lý, nhượng bán	(534.255.060)	-	(534.255.060)
Giảm khác	(779.269.274)	-	(779.269.274)
Số cuối năm	79.989.246.887	17.135.148.023	97.124.394.910
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	9.231.349.358	7.988.428.434	17.219.777.792
Khấu hao trong năm	1.943.905.184	2.480.192.666	4.424.097.850
Thanh lý, nhượng bán	(95.998.956)	-	(95.998.956)
Giảm khác	(424.268.754)	-	(424.268.754)
Số cuối năm	10.654.986.832	10.468.621.100	21.123.607.932
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	72.071.421.863	4.965.901.428	77.037.323.291
Tại ngày cuối năm	69.334.260.055	6.666.526.923	76.000.786.978



TÔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

15. Bất động sản đầu tư

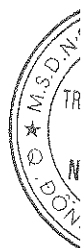
Bất động sản đầu tư là Cơ sở hạ tầng và tòa nhà đang cho thuê. Tình hình khấu hao của các Bất động sản trong năm như sau:

Chỉ tiêu	Nhóm TSCĐ	Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	Trung tâm Dịch vụ SATRA	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm		537.949.561.360	41.203.674.342	579.153.235.702
Phân loại lại từ hàng hóa BĐS		-	5.947.019.934	5.947.019.934
Tăng do điều chỉnh quyết toán		7.573.572.306	-	7.573.572.306
Giảm khác		-	(3.623.718.399)	(3.623.718.399)
Số cuối năm		545.523.133.666	43.526.975.877	589.050.109.543
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm		123.860.585.366	34.288.945.861	158.149.531.227
Khấu hao trong năm		11.636.302.483	1.984.486.680	13.620.789.163
Giảm khác		-	(3.623.718.399)	(3.623.718.399)
Số cuối năm		135.496.887.849	32.649.714.142	168.146.601.991
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm		414.088.975.994	6.914.728.481	421.003.704.475
Tại ngày cuối năm		410.026.245.817	10.877.261.735	420.903.507.552

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các công trình và hạng mục đang đầu tư xây dựng dở dang bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự án công nghệ thông tin (Văn phòng Tổng Công ty)	-	7.850.628.160
- Các Dự án tại Bình Điền (BQL Dự án Bình Điền)	277.394.221.382	278.432.030.576
- Dự án Satra Tax - Plaza (BQL Dự án Bình Điền)	93.932.493.820	16.862.902.650
- Hệ thống cửa hàng SatraFoods (BQLDA SatraMart)	30.910.258.010	10.773.292.848
- Công trình Xí nghiệp Rau quả (BQLDA SatraMart)	-	7.908.577.162



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

- Công trình TTTM Trần Văn Kiểu (BQLDA SatraMart)	2.196.949.268	1.234.522.904
- Công Trình TTTM Củ Chi (BQLDA SatraMart)	3.857.885.345	458.420.701
- Công trình Foodcourt Bình Điền (BQLDA SatraMart)	-	629.274.000
- Nhà máy CB Nông thủy sản XK (BQLDA Cofidec)	-	261.231.510.980
- Công trình cải tạo NMCB Thủy hải sản Việt Nhật (BQLDA Cofidec)	-	6.973.823.455
- Công trình 412/12 Trần Xuân Soạn (SATRA REAL)	430.403.365	430.403.365
- Nhà tạm nhà lồng H (Chợ Bình Điền)	160.000.000	-
- Chi phí mua sắm TSCĐ (Cofidec)	1.960.673.898	1.787.869.600
- Chi phí mua sắm TSCĐ (Kho lạnh SATRA)	-	8.453.810.916
- XDCB cải tạo Nhà hàng 12 Nguyễn Huệ (Satra F&B)	2.936.123.480	55.068.750
Cộng	413.779.008.568	603.082.136.067

17. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Dự phòng	Giá trị đầu tư	Dự phòng
17.1 Đầu tư vào công ty con	773.697.135.079	(71.131.960.995)	683.697.135.079	(15.134.792.247)
17.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	807.654.684.150	(33.760.226.170)	949.622.469.234	(32.904.121.448)
17.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	597.560.849.307	(189.908.242.508)	642.796.369.307	(206.102.996.675)
Cộng	2.178.912.668.536	(294.800.429.673)	2.276.115.973.620	(254.141.910.370)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

17.1 Đầu tư vào công ty con

Là khoản đầu tư vào các công ty có tỷ lệ lợi ích và biểu quyết trên 50%, bao gồm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Dự phòng	Giá trị đầu tư	Dự phòng
- Công ty CP Thương mại Sài Gòn Tây Nam	107.441.355.079	(13.528.930.975)	107.441.355.079	(15.134.792.247)
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ Quận 3	5.406.000.000	-	5.406.000.000	-
- Công ty CP Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (VISSAN)	548.298.780.000	-	548.298.780.000	-
- Công ty CP Vật tư Tổng hợp TPHCM (GEMEXIM JSC)	18.096.000.000	-	18.096.000.000	-
- Công ty TNHH Lương thực Ngọc Đồng	90.000.000.000	(56.006.752.378)	-	-
- Công ty TNHH May XK Tân Châu	4.455.000.000	(1.596.277.642)	4.455.000.000	-
Cộng	773.697.135.079	(71.131.960.995)	683.697.135.079	(15.134.792.247)

17.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Là khoản đầu tư vào các công ty có tỷ lệ lợi ích và biểu quyết từ 20% đến dưới 50%, bao gồm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Dự phòng	Giá trị đầu tư	Dự phòng
- Công ty CP TM DV Sài Gòn	9.312.600.000	-	9.312.600.000	-
- Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn	7.930.000.000	-	7.930.000.000	-
- Công ty CP Bao bì SG	-	-	34.000.000.000	-
- Công ty CP DV SX XNK Bình Tây	10.560.000.000	-	10.560.000.000	-
- Công ty CP KD Thủy hải Sản	26.402.380.000	(26.402.380.000)	26.402.380.000	(26.402.380.000)
- Công ty CP Thực phẩm CJ Cầu Tre	29.250.000.000	-	52.650.000.000	-
- Công ty CP TM DV Cần Giờ	9.200.000.000	-	9.200.000.000	-

182-C
 TY
 HỮU HẠ
 ĐÁN
 VIỆT
 T.P.H

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Dự phòng	Giá trị đầu tư	Dự phòng
- Công ty CP XNK Hàng TTCN (Artex)	-	-	9.808.150.000	-
- Công ty TNHH TM SG An Giang	7.500.000.000	-	7.500.000.000	-
- Công ty TNHH Nhà máy Bia VN	398.772.927.449	-	398.772.927.449	-
- Công ty TNHH TM SG Song Kim	55.300.000.000	-	55.300.000.000	(364.377.961)
- Công ty CP XNK TH Đầu tư (Imexco)	6.000.000.000	(6.000.000.000)	6.000.000.000	(6.000.000.000)
- Công ty CP TM Tổng hợp (GETRA)	7.280.000.000	-	7.280.000.000	-
- Công ty CP DV TM TP (CISTRA)	6.120.000.000	-	6.120.000.000	-
- Công ty CP BH Điện Máy SG (Seaco)	10.150.000.000	-	10.150.000.000	-
- Công ty CP XNK Nhà Bè	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
- Công ty CP Bình Điền	130.500.000.000	-	130.500.000.000	-
- Công ty CP ĐT PT HT PP VN (VDA)	1.000.000.000	-	30.000.000.000	-
- Công ty TNHH Bia và nước giải khát VN	42.332.589.001	-	42.332.589.001	-
- Công ty CP KD NS Kiên Giang	16.744.187.700	(1.357.846.170)	16.744.187.700	-
- Công ty CP SATRA Thái Sơn	5.800.000.000	-	5.800.000.000	-
- Công ty CP TM DV VDA Hậu Giang	12.500.000.000	-	12.500.000.000	-
- Công ty LD CB TP Satra-Sokimex	-	-	759.635.084	-
- Công ty TNHH lương thực Ngọc Đồng	-	-	45.000.000.000	-
- Công ty CP TM Sài Gòn Phương Trang	10.500.000.000	-	10.500.000.000	(137.363.487)
Cộng	807.654.684.150	(33.760.226.170)	949.622.469.234	(32.904.121.448)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

17.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Tổng Công ty nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu của đơn vị đầu tư. Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Dự phòng	Giá trị đầu tư	Dự phòng
- Công ty CP NH Ngọc Lan Đình	-	-	300.000.000	-
- Công ty VLXD & TT Nội thất (CMID)	-	-	21.583.050.000	-
- Công ty CP TP Nông sản XK Sài Gòn (AGREX)	16.500.000.000	-	16.500.000.000	-
- Công ty CP Kinh Đô	8.035.914.000	-	8.035.914.000	-
- Công ty CP KVG N Ngoại thương	20.170.715.000	-	20.170.715.000	-
- Công ty CP Cung ứng Tàu Biển Sài Gòn	2.240.000.000	-	2.240.000.000	-
- Công ty CP Mỹ Phẩm Sài Gòn	6.628.160.000	-	6.628.160.000	-
- Công ty CP ĐT DV Dân Sinh	500.000.000	-	500.000.000	-
- Công ty CP ĐT Hải Đăng	5.276.520.701	-	5.276.520.701	(413.281.469)
- Công ty CP Đầu tư Y tế SG	38.637.160.000	(38.443.881.302)	38.637.160.000	(35.288.411.500)
- Công ty CP BĐS EXim (EXIMLAND)	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
- Công ty CP Ánh Dương VN	130.203.000.000	(47.231.865.000)	130.203.000.000	-
- Công ty CP Cao su TPHCM	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
- TCT Bia rượu nước GK SG	35.000.000.000	-	35.000.000.000	-
- Công ty CP TS SG-Cao Lãnh	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
- Ngân hàng TMCP SG Công Thương	579.990.000	-	579.990.000	(90.865.100)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	162.131.859.606	(104.232.496.206)	162.131.859.606	(134.116.038.606)
- Ngân hàng TMCP Liên Việt	134.917.530.000	-	150.810.000.000	(36.194.400.000)
- Quỹ Đầu tư Việt Nam	2.240.000.000	-	4.480.000.000	-
- Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới Mãi Mãi	-	-	5.220.000.000	-
Cộng	597.560.849.307	(189.908.242.508)	642.796.369.307	(206.102.996.675)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

18. Chi phí trả trước dài hạn

- Số đầu năm	60.427.374.734
- Mua trong năm	28.814.986.889
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	70.241.214.659
- Tặng khác	1.791.996.172
- Phân bổ vào chi phí kinh doanh trong năm	(31.184.697.459)
- Giảm do phân loại lại sang TSCĐ	(33.479.849.437)
Số cuối năm	96.611.025.558

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí khác. Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn theo dõi tại các Đơn vị của SATRA:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Văn phòng Tổng Công ty	4.781.485.959	3.527.224.181
- Siêu thị Sài Gòn	880.659.413	897.149.236
- Thương xá Tax	-	21.639.884
- Trung tâm Điều hành bán lẻ SATRA Cần Thơ	16.324.276.507	-
- Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	4.658.063.702	451.561.186
- Trung tâm Dịch vụ SATRA	-	531.620.140
- SATRA Đồng Tháp	982.284.186	1.119.683.322
- Trung tâm TM SATRA đường Phạm Hùng	639.200.047	929.780.970
- Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải (Cofidex)	3.174.534.812	159.991.778
- Trung tâm Điều hành Cửa hàng SATRAFOODS	48.954.281.816	22.069.046.417
- Kho lạnh SATRA	4.360.246.765	5.266.723.742
- Trung tâm dịch vụ Ăn uống Satra (Satra F&B)	11.855.992.351	25.452.953.878
Cộng	96.611.025.558	60.427.374.734

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

19. Tài sản thuế TNDN hoãn lại

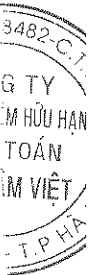
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận từ khoản tiền thuế đất trích trước của SATRA tạm thời chưa được tính vào chi phí tính Thuế Thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.

- Số đầu năm	3.829.449.467
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh	275.118.480
- Hoàn nhập Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(214.233.104)
Số cuối năm	3.890.334.843

20. Phải trả người bán ngắn hạn

Các khoản phải trả cho nhà cung cấp dịch vụ và hàng hóa, nhà thầu được theo dõi tại các Đơn vị của SATRA.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Văn phòng Tổng Công ty	131.322.609.197	112.172.959.546
- Ban chỉ đạo Dự án Bình Điền	23.460.738.154	61.826.490.579
- Ban Đầu tư Hệ thống bán lẻ (SATRAMART)	53.485.870.182	23.015.875.095
- Ban Quản lý Dự án COFIDEC	21.839.038.706	38.839.068.588
- Trung tâm phát triển Địa ốc (SATRA REAL)	8.642.986.166	15.098.786.730
- Siêu thị Sài Gòn	28.241.753.053	25.831.322.261
- Thương xá Tax	11.573.063.700	9.413.165.162
- Trung tâm Điều hành bán lẻ SATRA Cần Thơ	1.390.347.346	-
- Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	6.973.198.983	8.835.185.754
- Trung tâm Dịch vụ SATRA	81.278.816	-
- SATRA Đồng Tháp	16.717.580.000	23.657.166.380
- Trung tâm TM SATRA đường Phạm Hùng	18.845.312.195	14.867.358.153
- Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải (Cofidec)	55.759.968.268	22.544.985.237
- Trung tâm Phân phối SATRA	66.309.783.969	21.032.819.198
- Trung tâm Điều hành Cửa hàng SATRAFOODS	105.592.434.386	82.405.936.082
- Kho lạnh SATRA	1.280.302.733	1.373.409.234
- Trung tâm dịch vụ Ẩn uống Satra (Satra F&B)	2.843.164.640	1.825.940.306
Cộng	554.359.430.494	462.740.468.305



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

21. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Khoản người mua trả tiền trước theo dõi tại các Đơn vị của SATRA:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Văn phòng Tổng Công ty	20.887.104.755	25.162.725.609
- Trung tâm phát triển Địa ốc (SATRA REAL)	6.552.442	-
- Siêu thị Sài Gòn	584.795.000	5.941.100.478
- Thương xá Tax	8.332.623.887	1.319.034.658
- Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	174.462.956	551.243.886
- SATRA Đồng Tháp	9.694.050.000	-
- Trung tâm TM SATRA đường Phạm Hùng	73.230.000	-
- Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải (Cofidec)	351.233.015	41.329.891
- Trung tâm Điều hành Cửa hàng SATRAFOODS	17.085.953.998	64.744.223
- Kho lạnh SATRA	23.969.265	43.166.019
Cộng	57.213.975.318	33.123.344.764

THH (C)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	(167.290.325.432)	(52.491.781.631)	6.223.529.634	(226.005.636.697)
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	25.808.765.823	25.808.765.823	-
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	(1.622.729.116)	19.592.830.666	17.982.978.431	(12.876.881)
- Thuế Xuất, Nhập khẩu	(2.751.322.001)	21.750.877.291	19.136.495.909	(136.940.619)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	466.993.003.139	135.624.410.339	545.012.942.054	57.604.471.424
- Thuế Thu nhập cá nhân	147.193.908	11.533.601.256	11.346.897.298	333.897.866
- Thuế Tài nguyên	52.007.108	606.974.629	600.419.206	58.562.531
- Thuế đất	-	192.798.492	192.798.492	-
- Tiền thuê đất	2.573.830.630	29.208.469.296	22.670.628.394	9.111.671.532
- Thuế Bảo vệ môi trường	21.952.398.000	34.274.968.500	56.227.366.500	-
- Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách	1.791.585.413.327	1.932.499.323.242	3.928.860.432.676	(204.775.696.107)
- Các khoản truy thu, phạt, chậm nộp và thuế khác	(161.930.340)	22.519.469.010	9.749.741.389	12.607.797.281
Cộng	2.111.477.539.223	2.181.120.706.913	4.643.812.995.806	(351.214.749.670)

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.286.806.844.572			73.647.285.810
- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ (Thuyết minh số V.9)	170.556.953.888			232.124.598.095
- Thuế nộp thừa (Thuyết minh số V.10)	4.772.351.461			192.737.437.385

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế đầu ra : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt: 10% áp dụng cho mặt hàng xăng.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên Thu nhập tính thuế.

Thuế Xuất, Nhập khẩu

Kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan.

Thuế Bảo vệ môi trường

Mức thuế Bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn, cụ thể như sau:

- Xăng (trừ etanol) và Nhiên liệu bay: 3.000 đồng/lít.
- Dầu diesel: 1.500 đồng/lít.
- Dầu mazut, dầu nhờn: 900 đồng/lít.
- Mỡ nhờn: 900 đồng/kg.

Theo Nghị quyết số 888a/2015/UBTVQH13 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 1269/2011/UBTVQH12 ngày 14/7/2011 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành về biểu thuế Bảo vệ môi trường ngày 10/3/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2015.

Tiền thuê đất

Kê khai và nộp theo Thông báo của Cơ quan Thuế.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

ĐI
G
RÁCH
KH
HÀ
V

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

23. Phải trả người lao động

Tổng Công ty xác định Quỹ lương năm 2017 theo quy định tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Quỹ lương năm 2017 được tính dựa trên cơ sở so sánh với đơn giá tiền lương thực hiện năm 2016 do Quỹ tiền lương thực hiện năm 2016 vẫn đang trong quá trình chờ Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

Tiền lương và các khoản thu nhập còn phải trả người lao động tại các Đơn vị của SATRA:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Văn phòng Tổng Công ty	572.687.904.500	556.896.051.814
- Siêu thị Sài Gòn	8.899	45.158.287
- Thương xá Tax	17.531.932	17.531.932
- Trung tâm Điều hành bán lẻ SATRA Cần Thơ	266.621.500	-
- Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	4.401.609.535	3.479.477.795
- Trung tâm Dịch vụ SATRA	-	1.163.568.526
- SATRA Đồng Tháp	-	220.524.417
- Trung tâm TM SATRA đường Phạm Hùng	733.674.960	68.748.990
- Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải (Cofidec)	674.043.698	(3.810.010.479)
- Trung tâm Phân phối SATRA	-	65.164.749
- Trung tâm Điều hành Cửa hàng SATRAFOODS	3.418.107.121	2.980.941.935
- Kho lạnh SATRA	147.010.424	1.058.128.107
Cộng	582.346.512.569	562.185.286.073

24. Chi phí phải trả ngắn hạn

Tiền thuê đất và các chi phí còn phải trả theo dõi tại các Đơn vị của SATRA:

- Văn phòng Tổng Công ty	7.826.937.180	8.719.902.697
- Trung tâm phát triển Địa ốc (SATRA REAL)	1.607.087.561	1.136.718.496
- Siêu thị Sài Gòn	79.440.855	-
- Thương xá Tax	44.520.000	-
- Trung tâm Điều hành bán lẻ SATRA Cần Thơ	197.200.000	-

038482
 NG T
 HIỆM HỮ
 M TOÁ
 TÂM V
 A-T

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

- Trung tâm Dịch vụ SATRA	518.898.600	607.161.504
- Trung tâm TM SATRA đường Phạm Hùng	103.748.994	46.009.760
- Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải (Cofidec)	3.467.617.289	-
- Trung tâm Phân phối SATRA	13.395.325	565.765.454
- Trung tâm Điều hành Cửa hàng SATRAFOODS	771.788.182	3.033.448.976
- Kho lạnh SATRA	2.558.010.000	1.598.265.000
- Trung tâm dịch vụ Ăn uống Satra (Satra F&B)	59.301.061	63.993.039
Cộng	17.247.945.047	15.771.264.926

25. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Các khoản doanh thu nhận trước tiền cho thuê mặt bằng, quầy kệ.. theo dõi tại các Đơn vị sau:

- Trung tâm phát triển Địa ốc (SATRA REAL)	22.500.001	878.702.045
- Siêu thị Sài Gòn	105.908.661	108.281.378
- Thương xá Tax	936.909.089	474.090.910
- Trung tâm Dịch vụ SATRA	44.090.911	34.894.760
- Trung tâm TM SATRA đường Phạm Hùng	63.196.969	12.500.000
Cộng	1.172.605.631	1.508.469.093

26. Phải trả ngắn hạn khác

- Kinh phí công đoàn	455.980.577	193.487.650
- Bảo hiểm xã hội	16.314.718	989.209.709
- Bảo hiểm y tế	5.918.486	162.474.225
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.972.829	71.578.069
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn [*]	20.959.127.193	24.983.185.340
- Các khoản phải trả, phải nộp khác [**]	55.704.216.571	47.189.467.971
Cộng	77.143.530.374	73.589.402.964



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

[*] Chi tiết Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn theo dõi tại các Đơn vị của SATRA:

- Văn phòng Tổng Công ty	1.082.357.158	-
- Ban Đầu tư Hệ thống bán lẻ (SATRAMART)	437.893.220	-
- Trung tâm phát triển Địa ốc (SATRA REAL)	110.000.000	110.000.000
- Siêu thị Sài Gòn	1.353.239.241	1.501.829.521
- Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	17.778.973.199	23.125.986.769
- Trung tâm TM SATRA đường Phạm Hùng	139.664.375	235.369.050
- Trung tâm Phân phối SATRA	-	10.000.000
- Trung tâm Điều hành Cửa hàng SATRAFOODS	57.000.000	-
Cộng	20.959.127.193	24.983.185.340

[] Chi tiết Các khoản phải trả, phải nộp khác theo dõi tại các Đơn vị của SATRA:**

- Văn phòng Tổng Công ty	18.225.640.705	20.811.867.299
- Ban chỉ đạo Dự án Bình Điền	292.058.336	192.825.844
- Ban Quản lý Dự án COFIDEC	-	-
- Trung tâm phát triển Địa ốc (SATRA REAL)	27.590.318	-
- Siêu thị Sài Gòn	6.878.157.903	6.910.195.760
- Thương xá Tax	48.755.774	94.837.300
- Trung tâm Điều hành bán lẻ SATRA Cần Thơ	34.575.152	13.900.300
- Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	48.529.389	-
- Trung tâm Dịch vụ SATRA	676.274.558	766.992.295
- Trung tâm TM SATRA đường Phạm Hùng	-	3.164.411.602
- Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải (Cofidec)	-	-
- Trung tâm Phân phối SATRA	102.721.487	-
- Trung tâm Điều hành Cửa hàng SATRAFOODS	10.210.889.637	7.765.169.957
- Trung tâm dịch vụ Ăn uống Satra (Satra F&B)	7.225.649.870	6.250.387.492
Cộng	55.704.216.571	47.189.467.971

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

27. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Tình hình nợ vay theo dõi tại Văn phòng Tổng Công ty như sau:

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vay VND)	-	430.054.100.000	430.054.100.000	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vay USD)	72.187.665.000	485.148.276.142	462.105.562.000	95.230.379.142
Cộng	72.187.665.000	915.202.376.142	892.159.662.000	95.230.379.142

Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM như sau:

- Hợp đồng vay số : 0059/KHDN2/17NH và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/CV-0059/KHDN2/17NH ngày 02/10/2017
- Mục đích vay : Cho vay theo hạn mức; Chiết khấu theo hạn mức; Bảo lãnh và phát hành thư tín dụng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ với bên thứ 3. Thực hiện bao thanh toán theo quy định
- Hạn mức tín dụng : 800.000.000.000 Đồng
- Đồng tiền vay : VND và USD
- Thời hạn cấp Hạn mức cấp tín dụng : đến hết ngày 31 tháng 8 năm 2018
- Lãi suất : Áp dụng lãi suất cho vay theo thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ
- Số dư tại 31/12/17 : 95.230.379.142 Đồng tương đương USD 4,188,712.52

28. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ Khen thưởng	247.409.049.472	234.010.963.723
- Quỹ Phúc lợi	153.820.998.577	135.145.572.449
- Quỹ Phúc lợi đã hình thành tài sản	5.196.336	67.552.224
- Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành QL	2.486.505.184	2.135.627.617
Cộng	403.721.749.569	371.359.716.013

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

29. Quỹ bình ổn giá xăng dầu

Tình hình tăng giảm quỹ bình ổn giá xăng dầu trong năm:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	(15.074.773.799)	7.975.258.188
- Trích lập trong năm	3.394.314.000	16.585.559.700
- Lãi tiền gửi trong năm	-	15.974.930
- Điều chỉnh lãi năm trước	-	(13.633.190)
- Sử dụng quỹ bình ổn trong năm (Kết chuyển giảm giá vốn xăng dầu)	(3.289.915.218)	(39.637.933.427)
- Số cuối năm	(14.970.375.017)	(15.074.773.799)
	Số cuối năm	Số đầu năm
30. Chi phí phải trả dài hạn	7.768.969.600	-

Chi phí phải trả về tiền thuê đất theo dõi tại Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền.

31. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	607.272.813.168	609.300.415.634
---	------------------------	------------------------

Các khoản doanh thu nhận trước tiền cho thuê mặt bằng dài hạn theo dõi tại Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền.

32. Phải trả dài hạn khác

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.258.252.528	10.492.861.990
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	33.181.618.222	48.777.083.205
Cộng	42.439.870.750	59.269.945.195

2-C
TY
TƯ H
YÁN
VIÊN
P

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

33. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
Ban CDDA Bình Điền				
33.1 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP.HCM	81.940.086.450	-	81.940.086.450	-
Ban QLDA COFIDEC				
33.2 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN TP.HCM	86.240.676.629	9.087.349.430	10.328.026.059	85.000.000.000
Cộng	168.180.763.079	9.087.349.430	92.268.112.509	85.000.000.000

33.1 Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM theo dõi tại Ban chỉ đạo Dự án Bình Điền như sau:**❖ Hợp đồng tín dụng số 0036/TD1/07CD ngày 13 tháng 11 năm 2007**

- Mục đích vay : Thanh toán các chi phí của dự án xây dựng Trung tâm Thương mại Bình Điền - Giai đoạn 2A tại Phường 7, Quận 8, TP.HCM.
- Hạn mức tín dụng : 62.044.000.000
- Thời hạn cho vay : 132 tháng
- Lãi suất : Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ của ngân hàng cộng (+) 0,2%/tháng. Lãi suất được điều chỉnh 12 tháng/lần kể từ ngày rút vốn.
- Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của dự án.

❖ Hợp đồng tín dụng số 0023/ĐTDA/10CD ngày 12 tháng 8 năm 2010

- Mục đích vay : Thanh toán các chi phí của hệ thống trung chuyển rác và xử lý nước thải thuộc dự án xây dựng Trung tâm Thương mại Bình Điền - tại Phường 7, Quận 8, TP.HCM.
- Hạn mức tín dụng : 16.800.000.000 Đồng
- Thời hạn cho vay : 96 tháng
- Lãi suất : Theo lãi suất cho vay dài hạn của ngân hàng công bố. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần.
- Tài sản đảm bảo : Toàn bộ công trình xây dựng và máy móc thiết bị thuộc dự án hệ thống trung chuyển rác và xử lý nước thải.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

- ❖ **Hợp đồng tín dụng số 0004/ĐTDA/11CD ngày 21 tháng 3 năm 2011; Phụ kiện hợp đồng tín dụng số 0004/ĐTDA/11CD/PK02 ngày 09/4/2015 và Phụ kiện hợp đồng tín dụng số 0004/ĐTDA/11CD/PK03 ngày 05/02/2016**

- Mục đích vay : Thanh toán các chi phí của dự án xây dựng Trung tâm Thương mại Bình Điền - Giai đoạn 2A tại Phường 7, Quận 8, TP.HCM.
- Hạn mức tín dụng : 102.371.000.000 Đồng
- Thời hạn cho vay : 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Lãi suất : Từ ngày 09/10/2015 đến ngày 04/02/2016 bằng lãi suất cho vay đối với lĩnh vực Bất động sản.
Từ ngày 05/02/2016 đến hết thời hạn vay của hợp đồng tín dụng được xác định bằng lãi tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ cộng 3,3%/năm.
- Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai

33.2 Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM đang theo dõi tại Ban Quản lý Dự án Cofidec như sau:

- Hợp đồng vay số : 0015/ĐTDA/15CD
- Ngày : 29-07-15
- Mục đích vay : Sử dụng tiền vay để thanh toán một phần các chi phí của dự án "Nhà máy chế biến nông thủy sản xuất khẩu"
- Hạn mức tín dụng : 124.000.000.000 VND
- Thời hạn cho vay : 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Lãi suất : Xác định tại thời điểm các bên ký hợp đồng tín dụng hoặc ghi trên Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Hợp đồng thế chấp Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 0034/NHNT-TC, ngày: 30/07/2015 và Hợp đồng thế chấp Máy móc thiết bị và công trình phụ trợ Số 0035/NHNT-TC, ngày 30/07/2015:

Công trình dự kiến có diện tích xây dựng 18.025 m² thuộc sở hữu của Bên thế chấp "Tài sản" sẽ được xây dựng và tạo lập trên thửa đất số 46, tờ bản đồ số 50, diện tích 25.254,9 m², thời hạn sử dụng đất đến hết ngày 15/4/2048 và có địa chỉ tại Lô số C44/I, C44b/I, C56/II và C57/II đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp Hồ Chí Minh "Khu đất".

Máy móc thiết bị và công trình phụ trợ theo danh mục máy móc thiết bị và công trình thuộc sở hữu của Bên thế chấp; Máy móc thiết bị được mô tả chi tiết tại Phụ lục
- Số dư tại 31/12/17 : 85.000.000.000 Đồng

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

34. Dự phòng phải trả dài hạn

Các khoản dự phòng phải trả về tiền thuê đất, tiền sử dụng đất phi nông nghiệp còn phải nộp đang theo dõi tại các Đơn vị:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi nhánh Công ty Quản lý và Kinh doanh chợ Bình Điền	-	7.284.377.200
- Chi nhánh Công ty Phát triển Kinh tế Duyên Hải	-	3.467.617.289
Cộng	-	10.751.994.489

35. Quỹ phát triển khoa học công nghệ

10.729.008.568

10.729.008.568

Quỹ được hình thành từ lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2011.

36. Vốn chủ sở hữu

A	Năm trước	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
36.1	Vốn góp của chủ sở hữu	7.306.707.073.989	96.454.000.000	-	7.403.161.073.989
36.2	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	388.735.945.094	-	388.735.945.094
36.3	Quỹ đầu tư phát triển	1.338.112.780.521	1.299.073.181.231	-	2.637.185.961.752
36.4	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	99.090.766.589	106.507.231	96.455.766.148	2.741.507.672
36.5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(641.106.675)	4.328.651.266.565	4.331.652.989.295	(3.642.829.405)
36.6	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	1.814.821.000	2.954.435.000	61.305.000	4.707.951.000
	Cộng	8.745.084.335.424	6.115.975.335.121	4.428.170.060.443	10.432.889.610.102

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

B	Năm nay	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
36.1	Vốn góp của chủ sở hữu	7.403.161.073.989	1.256.838.926.011	-	8.660.000.000.000
36.2	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	388.735.945.094	1.562.901.897	-	390.298.846.991
36.3	Quỹ đầu tư phát triển	2.637.185.961.752	881.056.319.920	1.266.092.419.266	2.252.149.862.406
36.4	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	2.741.507.672	8.597.701	1.447.992	2.748.657.381
36.5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(3.642.829.405)	2.936.854.399.734	2.933.211.570.329	-
36.6	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	4.707.951.000	-	95.400.000	4.612.551.000
	Cộng	10.432.889.610.102	5.076.321.145.263	4.199.400.837.587	11.309.809.917.778

36.1 Vốn góp của chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	7.403.161.073.989	7.306.707.073.989
- Bổ sung từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	96.454.000.000
- Bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển	1.256.838.926.011	-
- Số cuối năm	<u>8.660.000.000.000</u>	<u>7.403.161.073.989</u>

36.2 Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Là khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản của các Công ty con để thực hiện cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

36.3 Quỹ Đầu tư phát triển

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	2.637.185.961.752	1.338.112.780.521
- Bổ sung từ lợi nhuận năm nay	881.056.319.920	1.299.052.181.231
- Điều chỉnh phân phối lợi nhuận 2015 theo KTNN	-	30.000.000
- Chuyển sang tăng Vốn góp của chủ sở hữu	(1.256.838.926.011)	-
- Tiền chậm nộp Lợi nhuận còn lại 2016 theo Biên bản Thanh tra thuế	(9.253.493.255)	-
- Điều chỉnh phân phối lợi nhuận 2016 (nộp tiền thu mặt bằng được giao quản lý)	-	(9.000.000)
- Số cuối năm	<u>2.252.149.862.406</u>	<u>2.637.185.961.752</u>

36.4 Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp

Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn quản lý. Tình hình tăng giảm Quỹ trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	2.741.507.672	99.090.766.589
- Thu trong năm (lãi tiền gửi)	8.597.701	106.507.231
- Chi trong năm (phí quản lý TK)	(1.447.992)	(1.766.148)
- Chuyển sang tăng Vốn góp của chủ sở hữu	-	(96.454.000.000)
- Số cuối năm	<u>2.748.657.381</u>	<u>2.741.507.672</u>



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

36.5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (PP)

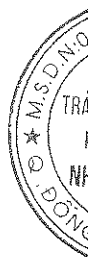
Lợi nhuận sau thuế năm 2016 được Công ty phân phối theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	(3.642.829.405)	(641.106.675)
- Điều chỉnh lợi nhuận năm trước	3.642.829.405	2.263.777.545
- Điều chỉnh Phân phối lợi nhuận năm trước	-	(5.265.500.275)
<i>Quỹ Đầu tư phát triển</i>	-	(477.801.261)
<i>Lợi nhuận nộp ngân sách</i>	-	(1.177.886.118)
<i>Chi nộp phạt thuế, chậm nộp</i>	-	(3.642.829.405)
<i>Quỹ Khen thưởng, phúc lợi</i>	-	33.016.509
- Lợi nhuận năm trước chưa PP chuyển năm nay	-	(3.642.829.405)
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	2.936.854.399.734	4.328.651.266.565
- Phân phối lợi nhuận năm nay	(2.936.854.399.734)	(4.328.651.266.565)
<i>Trích Quỹ Đầu tư phát triển</i>	(881.056.319.920)	(1.298.595.379.970)
<i>Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành</i>	(384.609.567)	(910.491.800)
<i>Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi</i>	(122.914.147.005)	(181.897.505.622)
<i>Lợi nhuận nộp ngân sách</i>	(1.932.499.323.242)	(2.847.247.889.173)
- Lợi nhuận năm nay chưa PP chuyển năm sau	-	-
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế chuyển năm sau	-	(3.642.829.405)

36.6 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tăng trong năm do nhận vốn từ ngân sách để thực hiện Dự án Trung tâm thương mại Bình Điền.

- Số đầu năm	4.707.951.000	1.814.821.000
- Thu trong năm	-	2.954.435.000
- Nộp hoàn trả Kho bạc Nhà nước	(95.400.000)	(61.305.000)
- Số cuối năm	4.612.551.000	4.707.951.000



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

37. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP SXTMDV Satra Cati	6.916.149.932	6.916.149.932

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: VND

	Năm nay	Năm trước
38. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa	5.851.944.833.994	5.711.008.172.661
- Doanh thu bán các thành phẩm	854.213.787.660	276.234.903.946
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	428.410.037.565	326.584.400.517
- Doanh thu kinh doanh BĐS	34.155.486.263	40.520.766.079
- Doanh thu khác	954.641.797	19.870.606.098
Cộng	7.169.678.787.279	6.374.218.849.301
39. Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	706.026.776	520.560.343
- Giảm giá hàng bán	-	984.752
- Hàng bán bị trả lại	5.488.619.346	17.203.664.682
Cộng	6.194.646.122	17.725.209.777

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

40. Giá vốn hàng bán

- Giá vốn của hàng hóa đã bán	5.628.744.228.608	5.473.342.981.868
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	837.640.192.891	265.501.779.808
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	251.764.489.087	163.190.920.481
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	9.038.880.646	6.514.518.445
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(87.419.096)
- Giá vốn khác	1.413.352.128	1.653.110.200
Cộng	6.728.601.143.360	5.910.115.891.706

41. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	490.204.577.971	455.985.621.759
- Lãi bán các khoản đầu tư, chứng khoán	259.144.174.303	2.259.112.460.420
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.850.010.021.709	2.747.618.577.760
- Lãi chênh lệch tỷ giá	1.985.765.172	4.398.885.017
- Chiết khấu thanh toán	11.355.985.005	2.460.738.450
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.254.876.950	4.252.829.452
Cộng	3.613.955.401.110	5.473.829.112.858

42. Chi phí tài chính

- Lãi tiền vay	5.012.060.204	9.236.759.466
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.238.249.989	3.625.706.516
- Dự phòng giảm giá chứng khoán, đầu tư	40.658.519.303	15.541.715.081
- Chi phí tài chính khác	5.683.237.938	4.753.639.077
Cộng	53.592.067.434	33.157.820.140

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

43. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân viên bán hàng	154.608.915.641	106.452.635.090
- Chi phí vật liệu, bao bì	22.042.009.350	4.387.338.412
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	21.160.108.780	26.276.883.167
- Chi phí khấu hao TSCĐ	18.812.718.386	25.003.029.790
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	131.034.393.504	118.354.187.350
- Chi phí bằng tiền khác	82.925.248.863	37.355.805.715
Cộng	430.583.394.524	317.829.879.524

44. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	295.351.643.853	612.866.344.721
- Chi phí vật liệu quản lý	560.662.048	701.724.675
- Chi phí đồ dùng văn phòng	5.617.302.264	5.421.143.004
- Chi phí khấu hao TSCĐ	35.113.471.767	20.268.075.326
- Thuế, phí và lệ phí	34.961.666.584	28.329.720.159
- Chi phí dự phòng	12.489.283.188	7.983.904.051
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.949.749.442	33.202.753.115
- Chi phí bằng tiền khác	104.070.775.573	80.263.768.819
Cộng	522.114.554.719	789.037.433.870

45. Thu nhập khác

- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	4.790.487.666	1.000.000
- Thu vi phạm hợp đồng	7.154.468.799	820.000
- Thu hỗ trợ, thường doanh số và các khoản khác	70.565.147.300	62.686.821.590
Cộng	82.510.103.765	62.688.641.590

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

46. Chi phí khác		
- Chi phí hoạt động thanh lý TSCĐ	3.918.403.089	949.550
- Các khoản tiền phạt	3.896.541.128	-
- Chi phí khác	44.825.617.081	10.367.779.692
Cộng	52.640.561.298	10.368.729.242
47. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.072.417.924.697	4.832.501.639.490
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	455.714.148.706	384.202.761.184
- Điều chỉnh tăng Thu nhập chịu thuế theo Biên bản Thanh tra thuế	-	56.176.593.033
- Trừ (-) Thu nhập không chịu thuế	(2.850.010.021.709)	(2.747.618.577.760)
- Tổng thu nhập chịu thuế	678.122.051.694	2.525.262.415.947
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	135.624.410.339	505.052.483.189
48. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận từ các khoản tiền thuế đất trích trước tạm thời chưa tính thuế TNDN trong năm hiện hành.		
- Giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (do ghi nhận Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm)	(275.118.480)	
- Tăng chi phí thuế TNDN hoãn lại (do Hoàn nhập Tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm)	214.233.104	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(60.885.376)	

VII. THÔNG TIN CHO NHỮNG KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:**

Trong năm 2017, SATRA ghi tăng Vốn góp của chủ sở hữu 1.256.838.926.011 Đồng từ Quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh số V.36.1).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin so sánh**

Căn cứ Biên bản Thanh tra thuế cho thời kỳ năm 2016 và Nghị quyết phê duyệt phân phối lợi nhuận năm 2015, SATRA đã điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính năm 2016, do đó một số chỉ tiêu của năm trước đã được điều chỉnh và trình bày lại trên Báo cáo tài chính năm 2017, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu sau điều chỉnh
A. Bảng cân đối kế toán			
- Chi phí trả trước ngắn hạn	8.258.308.971	696.975.455	8.955.284.426
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(226.822.902.913)	830.000.000	(225.992.902.913)
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(256.295.185.342)	2.153.274.972	(254.141.910.370)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	15.151.642.174.551	3.680.250.427	15.155.322.424.978
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.280.627.242.157	6.179.602.415	2.286.806.844.572
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	371.392.732.522	(33.016.509)	371.359.716.013
- Quỹ đầu tư phát triển	2.639.652.297.231	(2.466.335.479)	2.637.185.961.752
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(3.642.829.405)	-	(3.642.829.405)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	15.151.642.174.551	3.680.250.427	15.155.322.424.978
B. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	792.717.684.297	(3.680.250.427)	789.037.433.870
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.828.821.389.063	3.680.250.427	4.832.501.639.490
- Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	493.081.114.497	11.971.368.692	505.052.483.189
- Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.336.942.384.830	(8.291.118.265)	4.328.651.266.565

2. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (VISSAN)	Công ty con
- Công ty TNHH Lương thực Ngọc Đồng	Công ty con

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

- Công ty TNHH Nhà máy Bia VN Công ty liên kết
- Công ty TNHH Bia và nước giải khát VN Công ty liên kết
- Công ty CP TM DV Cần Giờ Công ty liên kết

Giao dịch trong năm và số dư nợ cuối năm với các Bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
- Công ty CP Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (VISSAN)				
Phải thu tiền bán hàng	57.283.419.697	624.334.455.294	623.668.468.137	57.949.406.854
Phải thu phân phối lợi nhuận giai đoạn trước cổ phần hóa	37.984.620.146	10.620.616.739	49.623.513.748	(1.018.276.863)
Phải trả tiền mua hàng	9.405.000	-	9.405.000	-
- Công ty TNHH Lương thực Ngọc Đồng				
Phải thu tiền bán hàng	5.505.841.000	212.233.810.082	164.812.299.872	52.927.351.210
Phải trả tiền mua hàng	(25.298.000.000)	186.199.920.280	173.479.552.229	(12.577.631.949)
- Công ty TNHH Nhà máy Bia VN				
Phải thu tiền bán hàng	12.856.425.000	128.199.590.140	118.248.769.920	22.807.245.220
Phải thu cổ tức năm 2016	-	2.400.000.000.000	2.400.000.000.000	-
- Công ty TNHH Bia và nước giải khát VN				
Phải thu tiền bán hàng	11.744.304.000	62.465.601.000	74.209.905.000	-
Phải thu cổ tức năm 2016	-	400.000.000.000	400.000.000.000	-
- Công ty CP TM DV Cần Giờ				
Phải thu tiền bán hàng	86.623.779.728	861.239.680.707	962.510.565.190	(14.647.104.755)
Phải thu cổ tức năm 2016, 2017	-	3.200.000.000	2.400.000.000	800.000.000
Phải trả tiền mua hàng	-	25.610.200.000	25.610.200.000	-

182-C
 TY
 HỮU H.
 DÁN
 VIỆT
 P.H

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Năm 2017

3. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính

Các Thông tư, văn bản luật có hiệu lực trong năm 2017 sau đây:

- Thông tư số 79/2017/TT-BTC ngày 01/08/2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung tiết b1 Điểm b Khoản 4 Điều 48 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế.
- Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.
- Thông tư số 93/2017/TT-BTC ngày 19/9/2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 (đã sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014) và bãi bỏ Khoản 7 Điều 11 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.
- Thông tư 20/2017/TT-BTC ngày 06/03/2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 Thông tư 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính).

- Luật kế toán

Ngày 20/11/2015, Quốc hội đã thông qua Luật số 88/2015/QH13 - Luật Kế toán (sửa đổi) có hiệu lực từ 01/01/2017 thay thế Luật kế toán số 03/2003/QH11.

Luật này quy định về nội dung công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán, hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán, quản lý nhà nước về kế toán và tổ chức nghề nghiệp về kế toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đông Thị Tuyết

Nguyễn Anh Tùng

Lê Minh Trang



